

# KHỞI TÍN LUẬN SỚ BÚT SẢO KÝ

## QUYỂN 2

### GIẢI THÍCH RIÊNG NGHĨA MÔN:

Từ Sắp giải thích v.v... trở xuống, là giải thích riêng nghĩa môn, có hai:

#### *I. Huyền tự khai chương:*

Trong Huyền tựa khai chương có sáu, vì có liên quan đến lời tựa. Đó là gì?. Bậc Thánh khi đã soạn luận thì chẳng phải luống không. Vậy luận này phát khởi là có lý do gì? Cho nên có Nhân duyên khởi giáo. Tên giáo đã biết ngay nguyên do sở học của người giải thích gồm sáu tạng. Vậy theo pháp, theo nhân, làm sao nhiếp thuộc? Cho nên có thuộc về Minh tạng. Luận tạng đã chung cả Bồ-tát Đại tiểu, có quyền có thật, nếu không do nghĩa cầu đâu biết được chỉ thú!. Luận này nói pháp giới hạn đến chỗ nào? Cho nên có Phần hạn hiển giáo nghĩa. Đã biết nghĩa giáo sở thuyết, đã biết chỗ chí tột, nhưng chưa rõ do các cơ nghi gì mà nơi đây được ngộ nhập? Cho nên có các căn cơ thuộc về Giáo. Sở thuyết, sở bị đã rõ ràng, nhưng, chưa biết năng thuyết lấy gì làm thể? Cho nên có Năng thuyết giáo thể. Giáo thể đã rõ từ giáo đến sở thuyết, tông là đối với việc gì lấy làm tông, rốt ráo thú hướng đến chỗ nào? Cho nên có tông thú Sở thuyết.

Thông thường khi khởi giáo thì phải có đủ những điều ấy. Cho nên nay Huyền tự dừng lại ở sáu môn này, đó là:

- 1- Sở nhân của luận.
- 2- Sở nhiếp của luận.
- 3- Sở thuyết của luận.
- 4- Sở bị của luận.
- 5- Sở y của luận.
- 6- Tông quy của luận.

Thế nhưng, ở bốn số phần khai chương có nêu đủ mười môn, sáu môn đầu giống như ở đây, chỉ nơi đây sau lại liệt bày thêm bốn môn nữa, đó là:

- 1- Giải thích đề mục luận.
- 2- Thời đại soạn luận.
- 3- Năm tháng phiên dịch.
- 4- Giải thích theo văn.

Như thế có mười. Nay số này không y theo sự nêu ra kia, vì nghĩa môn Huyền tự không muốn lẫn lộn với văn nghĩa biệt giải, nên hợp chung bốn môn sau với phần giải thích theo văn. Do đó Huyền tự chỉ có sáu đoạn.

## **II. Giải thích Văn:**

- Biện giáo: (Sở nhân của Luận)

Từ Nhất biện giáo trở xuống, là giải thích văn, chia làm hai:

- Nêu chung: Gạn giải thích mười đoạn, trong mười đoạn thì một câu đầu đều là gạn hỏi, các đoạn còn lại đều là giải thích.

- Nêu riêng: Nhất y v.v... trở xuống, là nêu riêng mười đoạn:

Nương trí nào? Khởi thể luận đâu thể ở trước trí, vì không có trí thì không thể khởi luận. Trong Phật pháp trí là căn bản, trong sáu nhân, trí là sinh nhân. Do có trí nên có nghĩa, do có nghĩa nên lập lời nói. Cho nên trong mười đoạn này, trước là trách trí kia.

Nghĩa là nương v.v... trở xuống, là giải thích. Nhưng, trí của Bồ-tát có quyền có thật. Thật trí đến lý thông suốt đời vị lai, phù hợp chân thể gọi là rỗng khế nguồn tâm. Nguồn tâm tức chân lý vô tướng. Khế ngộ lý này nên gọi Vô sinh nhẫn, tức trí Căn bản. Quyền trí là đảm đang việc kiến lập Phật pháp, thành tựu chúng sinh, tùy theo căn tánh kia mà trao cho thuốc pháp, để được thực hành, gọi là biện tài Tùy cơ khéo léo. Nghĩa là thuận theo căn dục bậc thượng trung hạ, nên gọi là Tùy cơ. Lời nói không sơ xuất quanh co, thành tựu muôn vật không bỏ sót gọi là Xảo. Xảo mà không có tướng xảo, không thể dùng lời nói bàn luận, nghĩ lường được, nên gọi là Diệu. Trí này phát ra ở miệng, nên gọi là Biện, biện này có bốn biện hoặc bảy biện. Bốn biện là bốn biện vô ngại, tức là vui nói pháp nghĩa, lời lẽ lưu loát, cũng gọi là bốn trí vô ngại, chỉ ở tâm ở miệng, chỗ dụng khác nhau, nên được gọi là Trí biện, thể kia là một. Bảy biện gồm:

- Tiệp biện: Đối với pháp không phải suy nghĩ, khi cần nói ngay.
- Vô đoạn biện: Liên tục xoay vần mà không đứt lý.
- Tấn biện: Thấu suốt lý sự tâm không mê muội, lời nói nhanh nhẹn như thác nước.
- Tùy ứng biện: Thích ứng mọi thời cơ không khác nhau.
- Vô sơ mâu biện: Lời nói khế lý, không sai sót.

- Nghĩa vị biện: Danh số lý sự đều vô lượng.
  - Nhất thiết thể gian tối thượng diệu biện, biện này có năm đức:
    - . Thân sâu xa như sấm.
    - . Thông suốt ở xa đều nghe.
    - . Tiếng thanh nhã như tiếng hót chim Ca-lăng-tần-già.
    - . Khiến cho chúng sinh thâm nhập tâm ái kính.
- Nếu có người nghe thì vui mừng không nhằm chán.  
Có đủ năm đức gọi là tối thượng.

Bốn biện và bảy biện trên đây đều nhờ trí Căn bản chứng lý mà được, gọi là trí Hậu đắc. Tương xảo diệu thứ lớp ở hai môn. Nhưng, Trí viên thông của bậc Thánh cần cả hai lý sự cùng soi chiếu, thiếu một thì chẳng phải Viên trí. Nay luận chủ ở giai vị Bát địa chánh chứng Vô sinh, vào môn Chân như, tức căn bản thật trí chiếu môn Sinh diệt. Tùy theo sự lượng kia mỗi mỗi quán sát, biết rõ căn cơ, thiết lập giáo hóa, ứng với căn cơ mà khéo nói, tức sau được Quyền trí. Hai trí Quyền và Thật theo dụng tuy có khác nhau, nhưng thể không hai. Vì nương một thể viên trí này mà kiến lập văn luận.

Luận Thập Địa xưng tán nói có ba trí biện tài (ba thứ trí biện tài) là: trí Chân thật, trí Thể tánh, và Quả trí. Hai trí trước tức trí Căn bản và trí Hậu đắc, một trí sau tức dụng của trí Hậu đắc. Nghĩa là nương thể tánh khởi nói lời khéo léo, nên nói là quả. Chỗ nói ở đây là gồm cả ba trí trước.

Dùng pháp gì chỉ dạy người? Đã biết chỗ nương của luận chủ, phạm phụ hữu lậu chẳng thể biết, chỉ nương hai trí vô lậu kiến lập. Phạm có ngôn ngữ thì đều chứa đựng chân lý, ứng hợp thời cơ thì sẽ không có lỗi. Như chỗ chỉ dạy kia là pháp môn gì mà khiến người tin hiểu tu đoạn nhập chứng như thế? Vì vậy ở đây gạn hỏi, sau sẽ giải thích về nhất tâm. Tuy nhiên, pháp thể của Đại thừa là chúng sinh và chư Phật nguồn tâm không hai, chẳng phân ra nhiễm tịnh, chân vọng khác nhau, mà nhiếp đủ tất cả các pháp, lặng lẽ bất động, sáng rõ không mờ tối, nên gọi là Nhất tâm. Tâm thể này phi chân phi vọng mà năng chân năng vọng, cho nên khai mở hai môn.

Môn là không bít lấp, rộng không thông suốt, qua lại ra vào tự tại, mở đóng không ngăn ngại. Y theo tâm vô tướng mà lập môn chân như, y tâm cụ pháp mà lập môn Sinh diệt. Hai Môn này mở đóng tự tại lẫn nhau, đều lấy nhất tâm làm nguồn gốc, nên nói tâm Chân như và tâm Sinh diệt.

Ba đại là nghĩa của hai môn, sau sẽ chỉ bày. Nghĩa là môn chân

như chỉ cho Thể đại, môn Sinh diệt chỉ đủ cả ba đại. Nên luận sau nói: “Là tướng tâm chân như, tức chỉ cho thể Đại thừa. Vì là tướng nhân duyên tâm sinh diệt hay chỉ cho tự Thể, tướng, dụng của Đại thừa”.

Bốn tín là tin Chân như và Tam bảo. Tin tâm có một, tin cảnh có bốn, thành bốn tín. Luận ở sau nói: “Một là tin căn bản, là ưa thích niệm pháp chân như, cho đến thường nhớ nghĩ gần gũi cận tu tập như thật mà thực hành”.

Năm hành là hành pháp Bồ thí, trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn và Chỉ quán. Thành tựu bốn thứ tín tâm từ trước đến nay, khiến thành tựu căn bản không lui sụt vào chánh đạo. Như sau có nói rộng.

Chỗ nói ngang bằng là pháp tướng có nhiều, nay sơ chỉ nói từ một đến năm, số tăng lược bày mà không nói nhiều, nên nói là ngang bằng. Nếu nói đủ tức Hai giác, bốn vị, bốn tướng, bốn cảnh, ba tế, sáu thô v.v... không thể dẫn rộng. Tuy giải thích nêu tuy ít mà không pháp nào chẳng bao gồm, vì một môn Sinh diệt nói rõ đủ tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, các pháp này đều là pháp chỉ dạy. Tuy nói chung là chỉ dạy, nhưng nghĩa chỉ dạy có khác. Nghĩa là đối với các pháp trên chỉ dạy giúp cho tín, hiểu hành, đoạn, chứng v.v... phối hợp với văn sẽ thấy. Do đó trong chỗ giải thích gọi chung là chỉ dạy.

Chỉ bày thế nào? Chỗ lược nêu ở trên chỉ là pháp chỉ dạy, chẳng hay dùng phương tiện gì để hiển dạy.

Xảo là quyền xảo, tiện là phương tiện, đây là luận chủ dùng trí chỉ dạy.

Nhất vị Đại thừa tức chân lý nhất tâm, không phân ra nhiễm tịnh, nhân quả, phàm thánh, có không, đồng khác v.v... nên nói Nhất vị. Đối với Nhị thừa gọi là Đại thừa. Pháp thế này dùng trí ngầm hợp, xa lìa các phân biệt, nên nói Nhất vị. Nếu nương theo ngôn thuyết chỉ bày thì chia ra làm hai là Nghĩa và Pháp. Luận nói: “Đại thừa, nói chung có hai thứ: 1- Pháp, 2- Nghĩa”. Nhưng khai pháp có hai môn, diễn nghĩa làm Ba đại. Luận nói: “Nương pháp Nhất tâm có hai môn: 1- Môn Tâm chân như, 2- Môn Tâm sinh diệt”. Lại nói: “Cái gọi là nghĩa phải có ba thứ”, đầy đủ như trước đã dẫn.

Do đây trở xuống, là kết luận chỉ dạy.

Nghiêng về quyền (quyền giáo), nghĩa là luận chủ dùng trí Nhất thật chứng chân lý Nhất vị, vô phân biệt. Dùng năng lực phương tiện vì chúng sinh, khéo dùng phương tiện khéo léo mà khai mở nhất vị thành nhiều pháp môn. Nhiều mà không có tướng nhiều, không trái với nhất

vị nên nói là khéo léo.

Khai tức giảng một thành nhiều, thị là mở bày, giúp cho sinh hiểu.

Lấy gì hiển bày? Ý trách thiện xảo ở trước, chính là triển khai nghĩa môn kia khiến một thành nhiều, nay muốn làm cho nghĩa lý này rõ ràng dễ thấy. Do phương tiện gì mà hiển được? Do lý do mà hiển rõ.

Âm là âm thanh, tự là văn tự. Âm thanh mà không có tướng âm thanh, tự mà không có tướng văn tự, nên gọi là diệu thiện. Nghĩa là luận chủ đối với quyền thật dùng trí vô ngại diễn bày thanh danh cú văn, thuộc về tánh lành vô lậu, chẳng giống phạm phu thuộc về vô ký. Kinh Tịnh Danh chép: “Nói là Pháp, là không nói không chỉ bày”. Đây chỉ là khai đạo lợi ích chúng sinh, không nương theo văn tự. Trong phẩm Thập Địa Kinh Hoa Nghiêm nêu thí dụ về gió trong hư không v.v... đều là hiển bày thanh danh, cú văn, chẳng phải có chẳng phải không, đây đều là diệu âm, thiện tự. Thí là so sánh, dụ là để hiểu, tức lấy việc gần mà so sánh, khiến nơi pháp sâu xa được hiểu rõ. Ngài Vô Trước nói: “Dụ là nghĩa thấy một bên, nghĩa là chỗ thấy một bên hòa hợp với chỗ chưa thấy một bên”. Chánh thuyết gọi là dụ. Sư Tử Giác nói: “Thấy một bên nghĩa tức là đã hiển bày rõ ràng, chưa thấy một bên là phần chưa hiển bày rõ ràng. Đem phần hiển bày rõ ràng cùng phần chưa hiển bày rõ ràng khiến nghĩa bình đẳng”. Có chánh thuyết gọi là lập dụ. Tuy nhiên có hai thứ: 1- Pháp giống, 2- pháp khác. Pháp giống là hoặc ở chỗ ấy hiển nhân đồng phẩm quyết định có tánh. Nghĩa là hoặc vật làm ra thấy kia vô thường, thí như chiếc bình. Pháp khác là hoặc ở chỗ ấy nói sở lập vô nhân trùm khắp chẳng phải có. Nghĩa là nếu là thường kiến chẳng phải vật làm ra, như hư không v.v... Tuy nhiên, lia mười lỗi mới làm chánh dụ. Dụ về pháp đồng có năm lỗi là: Pháp năng lập chẳng thành, pháp sở lập chẳng thành, cả hai đều chẳng thành, không hợp đảo thành hợp. Dụ về pháp khác có năm lỗi là: Pháp sở lập chẳng mất, pháp năng lập chẳng mất, cả hai đều chẳng mất, chẳng lia đảo thành lia.

Tông là cái do pháp thành lập. Nhân là nhân do của Tông chủ. Do đó cùng với ví dụ trước đều là năng lập. Luận Nhân Minh chép: “Do nhân nơi tông dụ, thường nói khai mở các cõi”.

Người hỏi (vấn giả) là người chưa rõ nghĩa, cố nhiên tông đó có chỗ nương.

Cho nên chỗ nương có Năng biệt, Sở biệt. Ở trên nương vào thể và lia chín lỗi mới làm chánh tông. Nghĩa là: Hiện lượng trái nhau, Tỉ lượng tương vi, Thế gian tương vi, Tự giáo tương vi, Tự ngữ tương vi,

Năng biệt cực thành, Sở biệt cực thành, Câu cực thành, Tướng phù cực thành. Nhân có ba tướng là: Biến thị tông pháp tánh, Đồng phẩm định hữu tánh và Dị phẩm biến vô tánh. Nhưng, nhân có hai thứ: Sinh nhân và Liễu nhân. Sinh nhân như hạt giống sinh mầm, Liễu nhân như đèn soi chiếu vật, hai nhân này mỗi nhân có ba thứ.

Sinh nhân: Có ba: 1- Ngôn sinh nhân. 2- Trí sinh nhân. 3- Nghĩa sinh nhân.

Liễu nhân. Có ba: 1- Trí liễu nhân. 2- Ngôn liễu nhân. 3- Nghĩa liễu nhân.

Rộng như số (giải) kia. Nhưng, nhân này lia mười bốn lỗi mới là chánh nhân, mười bốn lỗi là: Lưỡng câu bất thành, Tùy nhất bất thành, Sở y bất thành, Do dự bất thành, Cộng bất định, Bất cộng bất định, Đồng phẩm nhất phần chuyển dị phẩm biến chuyển, Dị phẩm nhất phần chuyển đồng phẩm biến chuyển, Câu phẩm nhất phần chuyển, Quyết định trái nhau, Pháp tự tướng trái nhau, Pháp sai biệt trái nhau, Hữu pháp tự tướng trái nhau, Hữu pháp sai biệt trái nhau. Nhưng, ba nhân này cùng lia ba mươi ba lỗi đều là giảm thiểu, nay chẳng phải ý chính không thể vạch bày đầy đủ. Trong luận này tuy nói Tông, Nhân, Dự mà chẳng đồng nhân, nói ba việc tập hợp thành Tỉ lượng. Nay trong văn hoặc nêu tông nghĩa, hoặc nêu tông nhân, hoặc nêu tông dự, hoặc nêu nhân dự.

Luận ở sau nói: “Một là pháp, hai là nghĩa”. Pháp nghĩa này chỉ là nói nhân, trước vạch bày, sau nói hữu pháp và pháp. Như Lập Lượng nói: “Nhất tâm là hữu pháp định, đầy đủ ba đại làm tông nhân, cho là có hai tướng chân như và sinh diệt”. Ở đây chỉ nêu tông nhân kia mà không dẫn dụ. Có chỗ nói: “Chân như là hữu pháp định, không thể lập, không thể mất, nên làm tông nhân” Cho là tất cả pháp đều là chân, vì đều đồng như. Đây cũng chỉ nêu Tông nhân, còn lại có thể so sánh mà biết. Nếu lấy luận này đối năm tánh thì Tông theo Lập Lượng nói: “Một tánh chân như là hữu pháp định hay tùy duyên, nên làm Tông nhân”. Cho là nương pháp hữu vi sở y bình đẳng, đồng dự như hư không, khiến cho phần sau kết hợp chỉ bày, nghĩa là diệu âm ở trước, v.v... làm Năng hiển, pháp nghĩa lý thú làm Sở hiển. Do ở trước dùng phương tiện khéo léo khiến nghĩa lý rõ ràng dễ thấy. Hai đoạn trên đây tức là tướng khéo léo mâu nhiệm ở trước.

Nương đâu làm cội gốc? Đây là gạn hỏi Bồ-tát soạn luận phải có y cứ, nếu không chỗ y cứ thì đồng với nói suông. Thánh ngôn của Phật là chí Giáo lượng, đạo lý chánh tức là Tỉ lượng, định lượng tức Hiện

lượng. Chí giáo là tất cả người trí không chỗ nào chẳng xem qua. Đầy đủ năm thứ ngữ ngôn là lời thành thật. Y theo đây lập luận chắc chắn đáng tin. Không có luống dối nên lấy đó làm gốc. Lời bậc Thánh gồm cả Ba thừa, ngoài ra người khác có chỗ chẳng biết, bởi phân biệt nên nói là Phật.

Trước nêu Tỉ lượng, vì theo luận theo kinh nên nói Tỉ lượng. Nghĩa là mượn các tướng mà xét nghĩa. Các tướng là nhân ba tướng, do kia làm nhân ở chỗ Tỉ lượng này so sánh có chánh trí sinh, rõ biết có lửa hoặc vô thường, v.v...

Nay nói chánh đạo lý là gạt lọc tất cả nhân tà. Nếu nhân chẳng phải tông nghĩa cũng thành tà. Do đây nên gọi là chánh đạo lý.

Hiện lượng là vô phân biệt, nếu có chánh trí đối với sắc v.v..., nghĩa là danh chủng, v.v... có chỗ phân biệt. Hiện hiện biệt chuyển nói là Hiện lượng. Ở đây có bốn loại:

1- Năm thức thân. 2- Năm câu ý. 3- Chư tự chứng. 4- Nhất thiết định tâm.

Bốn thứ trên đây đều là Hiện lượng.

Nói Định lượng là do bốn nghĩa này duyên các cảnh sắc là quyết định, cũng có thể trong chánh đạo lý ở trước, đầy đủ bao gồm hai lượng là so sánh sinh hiểu và tự chứng biết, không hề lầm lẫn, đều là chánh đạo lý. Một câu định lượng chỉ chung ba lượng, đều là quyết định, lấy đây làm gốc đáng tin theo.

Nường vào năng lực nào? Đây là vấn hỏi Luận chủ y kinh soạn luận, trên muốn kế hợp với bậc Thánh, dưới muốn lợi ích phàm tình, đến đời sau vì phá tà lập chánh, đời đời chẳng dứt, đền nối đền chẳng tận, là do tự lực hay nhờ năng lực người khác?

Quy y Tam bảo, vì Tam bảo là ruộng tốt tốt lành trên hết cho tất cả chúng sinh.

Có quy y là hay biện đại sự, sinh các phước trí, hay là sinh tử được vui Niết-bàn. Cho nên khi Phật diệt độ các đệ tử có soạn thuật văn gì đều quy y Tam bảo, là chỉ dạy người học hữu tông, chẳng tự chuyên mà xa lìa thành lỗi lầm, nay cầu xin oai lực che chở mà biên soạn, để đến đời sau mọi người đều tin nhận. Nhưng che chở có hai thứ: 1- Hiển gia: Nghĩa là tự thân nói pháp. 2- Minh gia: Nghĩa là tối tăm tăng thêm trí tuệ. Nay chung cả hai thứ này nói năng quy, sở quy. Như ở sau sẽ giải thích rộng.

Là nghĩa gì? Ở đây vấn hỏi đã nhờ oai lực của Tam bảo che chở mà soạn luận này, có nghĩa gì mà ý kính mến như thế?

Giúp giáo hóa: Trợ là phụ giúp, dương là phát huy, hóa là dạy bảo. Tức là phụ giúp Như Lai, phát huy pháp môn, dẫn dắt chúng sinh. Do chư Phật mười phương lần lượt làm thầy giúp đỡ, giúp đỡ lẫn nhau, làm cho đạo pháp lưu hành, chúng sinh thọ giáo. Nay Luận chủ thị hiện ở nhân vị y nơi tông kinh của thầy ta, Đức Mâu-ni mà luận, nên nói giúp giáo hóa.

Đẹp tà hiển chánh, vì khi Như Lai còn tại thế, đối với người tà kiến Phật tự điều phục. Sau khi Phật diệt độ nếu có những hạng này, không người biết chế phục họ. Nay luận chủ vì dẹp bọn tà kia, không để tà giáo hưng thịnh, mà dựng lập chánh pháp của ta, giúp sinh chánh kiến. Trong luận phần sau sẽ hiển bày chánh nghĩa đối trị tà chấp ấy.

Hộ trì pháp để lại, pháp môn Phật đã nói cho đến sau khi Ngài diệt độ, gọi chung là pháp để lại. Nay soạn luận phát huy không để rơi rớt, gọi là hộ trì lần lượt mở mang truyền bá.

Đền nối đền chẳng dứt, mãi cho đến kiếp sau gọi là trụ lâu ở đời.

Báo ân Như Lai, giáo pháp Phật lưu lại mục đích là truyền bá mở mang, lần lượt độ người, giúp đến đại quả. Nếu không truyền bá giảng nói là trái lại bổn hoài của Phật, tức là bội ân. Nếu hiển phát được diệu môn, chiếu soi Đại giáo, chịu nhọc nhằn mà được lợi ích, không dứt đại đạo, đây là thuận hợp tâm Phật, nhã xứng tông tổ gọi là báo ân. Trí Luận chép: “Dù cho đầu đội kinh trải qua số kiếp nhiều như bụi nhỏ, thân làm giường ngồi trải khắp Tam thiên, nếu không truyền bá lợi ích chúng sinh, cuối cùng vẫn không thể báo ân. Nếu có truyền giữ chánh pháp tạng, mở mang giáo lý độ chúng sinh, tu tập một niệm khế hợp chân như, đây là chân thật báo ân Như Lai”.

Tuy nhiên, năm câu trên nói có hai ý:

Mỗi việc tự nói riêng, một câu là một ý, nghĩa là giúp cho Đức Phật mở mang giáo hóa, dẹp tà hiển chánh, v.v...

Theo dấu vết chung của luận, từ một đến năm, lần lượt làm nguyên do cho nhau, tức giúp Phật mở mang giáo hóa là vì dẹp tà, vì dẹp tà là hiển chánh, cho đến báo ân Như Lai.

Do nhân duyên gì? Ở đây gạn hỏi nguyên do như trên là việc gì?

Khiến chúng sinh, là tất cả chúng sinh ba nhóm, năm tánh.

Lìa tất cả khổ, lìa ba khổ, tám khổ, cùng hai thứ khổ sinh tử phần đoạn và sinh tử biến dịch.

Được vui rốt ráo, là được vô thượng Bồ-đề giác pháp lạc, vô thượng Niết-bàn tịch tĩnh lạc. Một khi được là được mãi, không còn có



lỗi, vì khác với trời, người và người Nhị thừa, nên nói là rất ráo.

Lý do gì mà khởi?

Đây là gạn hỏi tâm Bồ-tát soạn luận là do đâu mà khởi đại bi. Tức đồng thể vô duyên chẳng phải ái kiến, nên nói là đại v.v... Mẫn là thương xót, tức tâm năng bi; Vật là chúng sinh, tức cảnh sở bi. Phạm phu tham đắm sinh tử chấp thường lạc ngã tịnh, nên nói là mê. Người Nhị thừa yêu đắm Niết-bàn, bốn thứ vô thường v.v..., chẳng phải là chỗ chánh hướng mà thú lầm cho là chánh, nên nói là lầm. Soạn luận là vì chúng sinh khiến bỏ mê về ngộ, bỏ thiên vào viên.

Được lợi ích gì? Đã vì chúng sinh mà soạn luận, vậy chúng sinh có sự giáo hóa này được lợi ích gì? Phần sau nói có bốn lợi ích.

Tín là Thập tín. Văn tư tu tuệ là Tam hiền, Chứng nhập tức là Thập địa. Nhân mãn tức Cứu cánh vị. Đây là người chưa tin giúp họ tin, người chưa hiểu giúp cho hiểu, người chưa thực hành giúp cho thực hành, người chưa chứng giúp cho chứng, người chưa Niết-bàn giúp cho được Niết-bàn. Ban đầu từ phạm phu cuối cùng đến Đẳng Giác, lãnh thọ sự giáo hóa kia đều được lợi ích. Theo bốn số giải nói có sáu lợi ích là:

1- Tín. 2- Ba huệ. 3- Chứng. 4- Nhập. 5- Nhân mãn. 6- Đại đồng tiểu dị.

Khai hợp cả hai đều chung, nhưng mười nhân trên ý nghĩa nối tiếp, nếu không giản lược thì đâu khởi lầm lẫn. Nay lấy chỗ cạn thấp làm ví dụ không để lầm lẫn.

Ví như xây ngôi nhà lớn trước phải có hiểu biết, (hiểu biết khởi tạo, ứng hợp hai trí).

Kế bày những thứ cần tạo, (mái nhà, tường, hành lang. Ứng hợp Tâm, Môn, Đại).

Thứ ba là rõ hình tướng của ngôi nhà, (xà nhà hướng trái, ứng hợp phần ba đại).

Thứ tư là đồ dùng để xây dựng, (cân, búa, mực, thước. Ứng hợp Diệu âm thiện tự).

Thứ năm là có chuẩn đích xác thực, (nướng kinh nghiệm, y theo thợ mộc, ứng hợp với ba lượng).

Thứ sáu là nương nhờ âm công, (cúng bái thần linh, ứng hợp Tam bảo che chở).

Thứ bảy là trên an lập chỗ tôn quý. (cha, mẹ, ứng hợp báo ân Phật).

Thứ tám là dưới che chở đời sau. (con cháu gái trai, ứng hợp với

chúng sinh)

Thứ chín là nghĩ tình thâm sâu, (có ân có ái. Ứng hợp với đại bi thương xót chúng sinh.

Thứ mười là đều được an ổn. (Thuận theo kia ẩn liền hợp. Ứng hợp Tín, Giải, Nhập, Chứng).

Như trên phối hợp rõ ràng khác nhau, do đây mười đoạn văn này không có xen lẫn nhau. Lại, trong mười đoạn này có nhân, có duyên, có chung, có riêng. Chung thì nhân duyên chẳng phân, nghĩa là mười đoạn này làm nhân chung, do duyên khởi soạn luận. Riêng thì đoạn thứ chín là nhân, đoạn thứ tám là duyên. Sáu đoạn trước là chỗ nương của nhân duyên. Đoạn thứ bảy và đoạn thứ mười là quả của nhân duyên. Lại trong mười đoạn này không ngoài bi trí. Nghĩa là thứ nhất là trí, thứ chín là bi. Đoạn thứ hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy là tướng của trí. Đoạn thứ tám và mười, hai môn này là tướng của bi.

Nhưng, trong luận văn tự có tám thứ nhân duyên, có giống có khác với ở đây. Đồng thì hai văn của sơ luận không ngoài hai thứ bi và trí. Dị thì trong luận chỉ nói thẳng chỗ hoài bão của mình vì pháp lợi sinh. Sơ thì tựa đầy đủ. Luận chủ dùng trí giáo hóa, mượn phương tiện khéo léo mở bày, nương nhờ năng lực hộ pháp, trên báo ân Phật, dưới hóa độ chúng sinh.

Hỏi: Vì sao trong luận không trình bày đầy đủ?

Đáp: Vì sơ trình bày ý khác, có thể vạch bày đầy đủ. Luận chủ đã nói rồi, chỉ nói về nguyên do. Nếu đồng trong sơ liền thành tự phạt, cho nên không trình bày đầy đủ nữa.

**- Thuộc về tạng nào trong các tạng:**

Hai, ba v.v... chẳng phải một, nên nói các tạng. Điều hay gồm nhiếp nên gọi là Tạng. Nghĩa là luận này nói trong hai ba thuộc về tạng nào? Ba tạng là tạng Kinh, tạng Luật, tạng Luận. Ở đây nói theo giới, định, tuệ học, tăng sở thuyên cao quý mà lập. Nghĩa là thuyên định tăng thắng, gọi là Kinh tạng. Nói giới tăng thắng, gọi là Luật tạng. Nói tuệ tăng thắng, gọi là Luận tạng. Nói tăng thắng là do mỗi tạng gồm chung cả hai tạng kia.

**a. KINH TẠNG:**

Tiếng Phạm là Dục-đề Tu-đa-la, hoặc gọi Tu-đổ-lộ-tố-lãm, Hán dịch là Khế Kinh, nghĩa là khế với pháp nghĩa sở thuyên, khế hợp sở hóa cơ tâm. Kinh là thấu suốt, sở thuyết nghĩa lý không bị phân tán, nhiếp trì sở hóa căn cơ chúng sinh, không để bị điên đảo đọa lạc. Nên Luận Phật Địa nói: “Thấu suốt thấu giữ, cái gọi là ứng hợp pháp nghĩa, cùng căn

cho bao trùm. Cho nên khế kinh tức là Tạng, là Trì nghiệp thích.

**b. LUẬT TẠNG:**

Tiếng Phạm là Tì-nại-da, hoặc nói là Tỳ-ni, hoặc Tỳ-na-da, Hán dịch nghĩa là Luật, để rõ phép tắc trì phạm, mới có chế điều pháp như đây. Gìn giữ pháp này là luật pháp. Xưa dịch là Điều phục, nghĩa là ba nghiệp chế phục lỗi lầm. Điều phục thì thông tạo tác, Chế phục thì chỉ rõ dứt ác. Hoặc dịch là Diệt, nghĩa là thân ngữ ý ác thiêu đốt hành giả, nghĩa đồng với lửa cháy, vì giới có công năng dập tắt. Hoặc nói Mát mẻ, vì dứt được tướng ác (của thân, miệng, ý) thiêu đốt. Đây là Sở thuyên, nên được gọi là Tạng điều phục, là Y chủ thích.

**c. LUẬN TẠNG:**

Tiếng Phạm là A-tỳ-đạt-ma, Hán dịch là Đối Pháp. Pháp là cảnh sở đối, nghĩa là Niết-bàn vô vi và bốn chân đế. Đối tức tâm năng đối là Lý trí và Lượng trí. Hai đối này phân biệt pháp tướng tốt diệu nguồn lý kia, rõ ràng như chỉ tay đối diện trước mắt, gọi là đối pháp, tức Tạng đối pháp, là Y chủ thích.

Luận này thuộc về định kia, chẳng phải kinh, luật nên nói thuộc về Đối pháp tạng. Cũng luận Du-già chép; tất cả các kinh điển liễu nghĩa tuần hoàn nghiên cứu. Ma-lý-ca y cứ theo đây gọi là nhiếp thuộc Đối pháp tạng, cũng là Phật nói.

Hỏi: Luận này Bồ-tát soạn sau khi Phật diệt độ, vì sao được xếp vào Đối pháp Tạng ư?

Đáp: Phật nói pháp có ba thứ: 1- Phật tự nói, 2- Vì người khác nói, 3- Vì thọ ký mà nói. Đây tức là thuyết nói sau cùng. Kinh Ma-da nói: “Phật thọ ký cho Ngài Mã Minh sẽ đốt đuốc chánh pháp, diệt cỏ tà kiến, khéo nói pháp yếu”. Đã lãnh thọ huyền ký tức đồng với Phật nói, nên được xếp vào đây.

Hỏi: Nếu nói huyền ký nên được nhập vào Luận tạng, vậy sau khi Phật diệt độ, tất cả Bồ-tát soạn luận đều được huyền ký hết chăng?

Đáp: Bởi câu hỏi này nên nay giúp thêm một phen để hiểu lấy lời Phật nói. Tuy có luận nghị nhưng đều thuộc Kinh tạng, do mười hai bộ đều gọi là kinh, còn Bồ-tát soạn thì chỉ gọi là Luận. Hoặc y cứ kinh ấy, hoặc theo sự hiểu biết mà giải thích, sở nhiếp này cũng không trái với hai tạng kia. Đây là y theo người mà lập, nghĩa là đối trong Ba tạng chỉ bày lý, hạnh, quả của Đại thừa, gọi là Bồ-tát tạng. Chỉ bày lý, hạnh, quả của Tiểu thừa, gọi là Thanh văn tạng. Luận Hoa Nghiêm và Nhiếp Đại thừa chép: “Vì thừa trên dưới khác nhau, nên có Thanh Văn và Bồ-tát tạng”. Nhưng nói theo người, thì người có ba thừa hợp chia ra ba tạng.

Do người Duyên giác phần nhiều không nương giáo, ra đời không có Phật hoặc có Phật, tức thuộc về Thanh Văn, vì trong bốn pháp lý quả đồng, do đó chỉ lập hai tạng. Nếu y cứ giáo hạnh có khác nhau, cũng có thể chia thành ba tạng. Kinh Phổ Siêu Tam-muội và Luận Nhập Đại thừa chép: “Do theo nghĩa riêng, chia làm ba tạng”. Nay y theo các Luận Trang Nghiêm v.v... đối theo nghĩa đồng, hợp thành hai tạng. Khai và hợp đều theo một ý. Tuy nhiên, trong ba tạng đều có đủ hai tạng, trong hai tạng đều có ba tạng. Lại theo pháp mà chia đây thành hai ba, rộng như Viên Giác Sơ đã nói thuộc về Bồ-tát tạng, vì là Đại thừa, chẳng nói Tiểu thừa có xếp vào đây.

- **Phạm vi của giáo nghĩa.** (Sở thuyên của Luận):

- *Nêu chung bày riêng:*

Giáo là nghĩa năng thuyên tức sở thuyên, lấy nghĩa sở thuyên trình bày giáo năng thuyên, tức biết đến chỗ tốt phân chia của giáo này. Nói pháp thông hay cuộc, thông là Chung giáo, Viên giáo, Đốn giáo của Đại thừa. Do căn cơ rộng lớn, nên nói nghĩa sâu xa. Cuộc tức Tiểu thừa và Đại thừa thí giáo. Do nói pháp cạn, vì căn cơ nhỏ hẹp. Lại sâu bao gồm cạn, nên gọi là Thông. Cạn chẳng đến được sâu, nên gọi là cuộc. Một quyển kinh bao gồm nhiều giáo, nên gọi là Thông. Một quyển kinh chỉ nói một giáo, nên gọi là cuộc.

Do nghĩa phân giáo, là do các nhà phân giáo phần nhiều theo thời mà phân giáo, nên có chỗ chưa đủ, bèn vạch ra để tranh luận. Chỗ trình bày như phần riêng đã có nói. Nay lấy nghĩa riêng biệt nên không lầm lẫn. Đây là lấy nghĩa làm năng phân, giáo làm sở phân. Được biết giáo nghĩa có cạn sâu, nên nghĩa sở thuyên có xa gần.

- **Theo chỗ trình bày giải thích riêng.** Có hai:

- *Trình bày chung các giáo.* Có năm:

TIỂU THỪA: Chuyển chỗ từ căn nhỏ đến quả nhỏ, như xe dê xe nai chỉ có thể chở nhẹ không thể đi xa, nên nói là Tiểu.

Chỉ nói v.v...trở xuống, là phần giải thích tương, tức là nói lý sở thuyên, chữ chỉ là riêng, là duy.

Ngã không, giáo này nói hễ có tạo tác gì đều nằm trong năng lực nhân duyên, không có chủ thể, nên nói ngã không, v.v...

Dù nói ít, kinh A-hàm nói: “Không có già chết, không ai già chết”. Đã nói không có già chết, tức là nghĩa pháp không. Tuy có thuyết này, mà trăm phần không được một, nên nói là nói ít. Chỉ là nêu lên mà thôi, lại không giải thích, nên không hiển bày rõ. Vì chẳng phải là ý chính của giáo, nên nay mong Đại thừa trình bày rõ nghĩa, nên nói là Chỉ. Như

ở sông nước ít, cũng nói là ít nước.

Chỉ nương v.v... trở xuống, là sáu thức căn bản, sở y, tức sáu thức trước. Ba tông của giáo kia nói có khác, mà kinh bộ chẳng khác. Tâm sở hữu bộ có biệt tâm sở. Giác Thiên nói: Chỉ một ý thức theo sáu căn chuyển không có sáu cái riêng khác.

Lập ra ba độc là tham, sân, si khiến hại vật rất sâu xa, tổn hại Pháp thân tuệ mạng, nên gọi tên là Độc. Nếu lấy ba thứ này làm năng huân, sắc tâm hiện tại làm sở huân, tạo nghiệp thọ sinh luân chuyển trôi lăn trong ba cõi, đây là cội gốc nhiễm. Nếu lấy ba thứ vô tham... làm năng huân, hiện tại sắc tâm làm sở huân, dứt bỏ phiền não, ra khỏi ba cõi, đây là cội gốc tịnh. Nhiễm và tịnh là do ba thứ này có hay không, dứt thì liền không có sở y, nên nói là chỉ.

Chưa tốt v.v... trở xuống, là kết thành chẳng liễu, chẳng đạt Như Lai tàng tâm vốn đầy đủ công đức vô lậu. Chưa tốt nguồn tịnh pháp, không rõ căn bản vì không biết nhân hữu lậu. Chưa tốt nguồn pháp nhiễm, giáo này còn không nói hai thức bảy và tám, hướng chi không nói về pháp tánh? Nên nói là chưa tốt.

Thường tranh luận, sự phân tông hai mươi bộ đều không giống nhau, như người mù sờ voi lẫn lộn phải quấy, nên nói tranh luận. Nếu tốt nguồn kia thì đâu thấy như thế.

**ĐẠI THỪA:** Vận chuyển từ căn lớn đến quả lớn, như xe trâu chở nặng có khả năng đi xa, nên nói là Đại thừa. Bốn giáo ở sau tuy quyền thật có khác, đều vì chung đối với Tiểu thừa, nên gọi chung là Đại thừa. Ban đầu phân ra hai giáo, lại nêu hai tên, trong đây hai giáo đều nói một nghĩa, nghĩa là tướng không, chứ chẳng phải một giáo có hai tên.

Chỉ nói trở xuống, nói về lý sở thuyên, tức các bộ Bát-nhã, nói về tâm cảnh nhiễm tịnh đều không. Trước là từ sắc tâm, sau cùng đến chủng trí đều là như huyễn, nên nói đều không. Bát-nhã nói: “Không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức. Cho đến không có trí cũng không có đắc, v.v...”. Lại Kinh nói: “Nếu có một pháp nào vượt hơn Niết-bàn, ta cũng nói là như huyễn mộng, v.v...”.

Chưa tận v.v... trở xuống; là phân chia Đại thừa không rõ pháp lý, chẳng phải không chẳng phải có mà không mà là có. Đã chỉ nói không, nên biết chưa tận cùng. Kinh Pháp Cỗ chép: “Tất cả kinh không là nói khác”. Trung luận nói: “Không là cửa đầu tiên của Đại thừa, nên nói là thí”. Lại nói: “Do có nghĩa không nên tất cả pháp được thành tựu”.

Chỉ nói v.v... trở xuống, tức phân giáo.

Tất cả pháp tướng là nói pháp sở thuyên. Tuy nhiên, tất cả chẳng

ngoài năm vị, một trăm pháp. Nghĩa là: 1- Pháp Tâm có tám, 2- Pháp Tâm sở hữu có năm mươi một, 3- Pháp Sắc có mười một, 4- Pháp Bất tương ứng hành có hai mươi bốn, 5- Pháp Vô vi có sáu. Dù nói chân như vô vi là tánh các pháp cũng rơi vào số pháp tướng, nên nói: Chỉ nói có.

Chẳng thành Phật trở xuống, chia làm bất liễu. Nghĩa là Nhị thừa Định tánh và xiển-đề Vô tánh trong năm tánh, cùng phần thứ hai trong ba phần Bất định tánh, ắt không thể thành Phật, đã không thể thành nên nói là phần...

- **Chung giáo và Thật giáo:** Là nêu tên, đây chỉ nói một giáo để đối hai giáo trước, nên đặt hai tên, chẳng đồng hai giáo trước có khác.

Nói Như Lai trở xuống: là thuận theo mình duyên mà khởi, tức môn sinh diệt, luận sau nói: “Tâm sinh diệt là nương Như Lai tàng có tâm sinh diệt”. Bởi vì chẳng sinh diệt hòa hợp với sinh diệt. Chẳng phải một, chẳng phải khác gọi là thức A-lại-da, v.v ..., tức trước nói: “Tánh bất biến mà duyên khởi”.

Duyên khởi v.v... trở xuống, nghịch với mình tánh mà duyên, tức là môn Chân như. Luận nói: “Tâm chân như tức là thể nhất pháp giới pháp môn đại tổng tướng”. Nghĩa là tâm tánh chẳng sinh chẳng diệt, cho đến tất cả pháp không thể nói, không thể nghĩ, nên gọi là Chân như. Tức trước nói: “Chẳng bỏ duyên mà tức chân”. Đây là từ gốc khởi ngọn nên nói tùy duyên, ngọn tức đồng gốc nên nói vô tánh. Như đúc vàng làm các đồ dùng, đồ dùng tức là vàng.

Định tánh, là tất cả chúng sinh ba nhóm năm tánh đều có Như Lai tàng tâm, sẽ đều thành Phật. Kinh Niết-bàn chép: “Hễ có tâm thì chắc chắn sẽ thành Phật”. Kinh Viên Giác chép: “Có tánh, vô tánh đều thành Phật đạo”.

Ở trên đều là nói về pháp sở thuyên.

Mới tận v.v... trở xuống, là chia làm liễu nghĩa. Nói tận nguồn pháp, nên nói tận cùng. Đối trước chưa tận, do Chung đối với Thỉ nên nói là Chung giáo. Chẳng đồng pháp tướng nên nói thật lý phân giáo. Không liễu nghĩa thuộc về quyền, trong đây liễu nghĩa nên gọi là Thật giáo.

**ĐỐN GIÁO:** Là nêu tên. Một lời nói thẳng, không có quanh co, chẳng trải thứ lớp, chỉ có bốn nguyên, nên gọi là Đốn.

Đều chẳng v.v... trở xuống, là giải thích tướng.

Chẳng nói pháp tướng, nghĩa là biến kế và y tha. Sắc tâm giả thật pháp tướng tuy rộng mà không ngoài nơi kia. Đây đã chẳng gọi là đều,

tức phân biệt với Phần giáo, chỉ nói pháp tướng.

Chỉ nói về chân tánh, ở đây phân biệt Thử giáo, chỉ nói các pháp đều không, nay nói chẳng không mà diệu hữu, tức là tánh Viên thành thật. Tánh này sở y viên mãn, thành tựu phạm thánh, nhân quả bình đẳng, chỉ luận về pháp này nên nói chỉ nói. Hai câu này là lược nêu phân biệt, ở sau chỉ bày rộng.

Cũng không v.v..., giải thích chẳng nói pháp tướng. Tám thức là nguồn của pháp tướng. Tất cả sự cao siêu, lấy thắng nhiếp liệt nên nêu ra đây. Tuy nhiên, thức như huyền mộng chỉ là nhất tâm, nên nói cũng không. Trong đây nêu thức để hiển bày sở duyên.

Quở trách giáo, là bác bỏ chỗ không thật kia. Triệu Công nói: “Danh không có vật là Công”. Kinh Viên Giác chép: “Kinh như ngón tay chỉ mặt trăng, nếu thấy mặt trăng liền rõ biết chỗ chỉ rốt chẳng phải mặt trăng”. Văn sau cũng nói: “Tất cả ngôn thuyết đều giả danh không thật, chỉ theo vọng niệm, không thật có”.

Khuyên xa lìa, là khiến chẳng chấp trước vào giáo, khiến kia xả bỏ ngôn ngữ. Văn sau nói: “Từ xưa đến nay lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự”. Tịnh Danh chép: “Cho đến không có văn tự ngôn ngữ, là chân thật nhập pháp môn không hai”. Lại nói: “Đến tột nơi trí là chẳng chấp văn tự, lìa tánh văn tự tức là giải thoát”. Đạt - ma nói: “Pháp của ta dùng tâm truyền tâm, chẳng lập văn tự v.v...”. Giáo năng thuyên đã quên, nghĩa sở thuyên cũng mất, nên quở trách răn dạy. Hủy tướng, vì “tất cả các tướng đều là lướng dối”, đây là quên cảnh sở chứng.

Quên tâm (dẫn tâm), vì “tâm sinh thì các pháp sinh”, đây là quên trí năng chứng. Kinh nói: “Huyền trần diệt nên huyền diệt cũng diệt”. Lại nói: “Cũng không có năng chứng”. Đây là vọng thức vọng duyên. Năng thuyên sở thuyên, Năng chứng sở chứng, tất cả đều quên. Văn sau nói: “Tất cả pháp từ xưa đến nay chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, chẳng phải trí, chẳng phải thức, chẳng phải có, chẳng không, tướng rốt ráo không thể nói được”.

Chỉ một niệm v.v..., niệm sinh đã là phạm phu, tướng hiện tánh ẩn chẳng sinh, gọi là Phật tánh hiển thì tướng mất. Cho nên sát na lên Diệu Giác đồng Phật trong một ngày. Quán Sư nói: “Một niệm chẳng sinh mé trước sau dứt, thể chiếu riêng lập vật ngã đều như, lại không nhờ phương tiện khác, nên nói là Chỉ. Đây là giải thích chỉ nói chân tánh ở trước. Chẳng nương v.v... trở xuống, là kết thành nghĩa đốn. Đã một niệm thành Phật há lại lập địa vị ư? Địa vị đã chẳng còn, cái chẳng còn

cũng là đốn ư?. Kinh Tư Ích nói: “Đắc chánh tánh các pháp, chẳng từ một địa vị đến một địa vị”. Kinh Viên Giác chép: “Biết huyền tức lia, chẳng nhờ phương tiện, Lia huyền tức giác, cũng không thứ lớp”.

VIÊN GIÁO: Trong giáo này thâm nhiếp bốn giáo trước, viên mãn đầy đủ tánh tướng đều dung, cõi nước, hạt bụi, mảy lông nhập vào lẫn nhau, tức là tông Hoa Nghiêm.

Sở thuyết v.v... trở xuống, là Nhất chân pháp giới, nghĩa là sở thuyết các pháp lý sự, tâm cảnh, nhân pháp, phàm thánh, nhiễm tịnh v.v... Tóm lại, không có một pháp nào lia pháp giới, nên nói sở thuyết chỉ là pháp giới. Hoặc có thể câu này là nêu chung, ở phần sau đều là nêu riêng.

Tánh biển viên dung, là Lý pháp giới. nghĩa là lý tánh sâu rộng như biển, lý thể trùm khắp không có một pháp nào không dung nhiếp, nên nói viên dung.

Duyên khởi: là Sự pháp giới, nghĩa là các duyên sở tạo tâm cảnh, nhiễm tịnh, tình khí, nhân quả, lớn nhỏ, một nhiều v.v... đều khác nhau.

Vô ngại: là Lý sự vô ngại pháp giới. Nghĩa là duyên khởi sự pháp đều là chỗ thành tựu của lý. Duyên khởi vô tánh chẳng ngại lý, lý hay tùy duyên mà chẳng ngại sự. Cho nên được lý sự cả hai không có tướng chướng ngại, tức nhập lẫn nhau. Ở sau nói Sự sự vô ngại pháp giới, là các sự pháp, mỗi pháp tròn nhiếp ở lý, ngay nơi sự trong lý. không chướng ngại nhau, nên mỗi sự pháp được tướng tương nhập. Một tức tất cả, tất cả tức một. Một nhập tất cả, tất cả nhập một. Làm chủ bạn lẫn nhau, lớp lớp vô tận, như lưới châu sáng ở cõi trời, hổ tương nhập vào nhau, không ngại không cùng tận. Nhưng, sở thuyết của năm giáo trên không ngoài tánh tướng. Tánh tướng hướng về nhau phân biệt ứng thành sáu câu:

Chỉ tướng chẳng phải tánh; là Tiểu thừa giáo. Chỉ nói pháp tướng không nói tánh.

Chỉ tánh chẳng phải tướng; là Đốn giáo. Chỉ nói chân tánh hủy tướng dứt tâm.

Tướng nhiều tánh ít; là Phần giáo, thường nói về pháp tướng, ít nói tánh.

Tánh nhiều tướng ít là Chung giáo, thường nói pháp tánh, ít nói pháp tướng, dù có nói pháp tướng cũng không lia tánh.

Chẳng phải tướng chẳng phải tánh; tức Thủ giáo. Chỉ nói các pháp đều không chưa hiển tánh chân như.



Toàn tướng toàn tánh; là Viên giáo. Nói nhất tâm pháp giới toàn thể mà khởi thành pháp nhiệm tịnh, tức là toàn tướng. Khi nhiệm tịnh khởi, thể tánh không ẩn, toàn là chân như tức toàn tánh.

Lại, trong năm giáo này và hóa pháp tứ giáo của tông Thiên Thai ngang nhau, chỉ khai hợp có khác mà đại để là đồng. Kia khai trước hợp sau, đây thì khai sau hợp trước. Bốn giáo là: Tạng, Thông, Biệt, Viên. Nếu theo ở đây thì:

Tiểu thừa giáo: Tức là Tạng giáo kia.

Thỉ giáo: Ở đây có hai loại:

Thỉ giáo: Chỉ nói các pháp đều không, tức là Thông giáo kia.

Phần giáo: Chỉ nói tất cả pháp tướng, tức Biệt giáo.

Chung giáo: Nói về Như Lai tàng tùy duyên thành các thứ nhiệm tịnh, duyên khởi vô tánh, tất cả đều như, tức nghĩa Song chiếu trong Viên giáo kia.

Đốn giáo: Chỉ nói về chân tánh, tức nghĩa Song giá trong Viên giáo kia.

Viên giáo: Nói về tánh tướng đều dung thông, tức nghĩa già chiếc của Viên giáo kia.

Do sở thuyên ba giáo này chỉ là nhất tâm, đầy đủ tất cả pháp, tức kia là Viên giáo không thể nghi bàn trung đạo. Cho nên ba giáo này đều thuộc về Viên giáo thâm nhiếp. Đây tức hợp thông biệt kia làm một Thỉ giáo. Khai Viên giáo kia làm ba là: Chung giáo, Đốn giáo, và Viên giáo. Kia tức khai Thỉ giáo này làm hai là: Thông và Biệt, Hợp Chung giáo, v.v... này lại thành một Viên giáo. Tuy khai hợp có khác mà pháp chẳng khác. Nhưng, kia lại nói theo hóa nghi thì có bốn, theo thời mà luận thì có năm, nói rộng như kia.

Nói Về NHIẾP Nhau:

Từ Nếu đối với v.v...trở xuống là cùng nhiếp với luận, có hai:

Nói Về PHẦN HẠN:

Chỉ là Chung giáo, do có môn sinh diệt nên nói Như Lai tàng tùy duyên tạo A-lại-da, thành các nghĩa nhiệm tịnh.

Nên gồm ở nơi Đốn; do có môn Chân như mà hiển bày thể liên nói năng, vì nương ngôn ngữ để nói về đức. nhưng, tuy nói hai môn mà trong môn chân như chỉ lược nói pháp thể mà thôi, như kia nói mê ngộ là để phân biệt thánh phàm. Nói về nhiệm thì có: hai ngại, ba tế, năm ý, sáu thô. Nói về tịnh thì có: hai thân, ba đại, tư tín, năm hành. Nói đầy đủ nhiệm tịnh huân tập, nói rộng giai cấp bốn vị.

Nói đoạn chứng, làm rõ giải hạn, chỉ là tất cả pháp thế gian và

xuất thế gian, thảy đều nói trong môn Sinh diệt. Đã là rộng lược khác nhau, nên nói hai giáo chia ra kiêm chính.

**- Làm rõ tương nhiếp Nhau:**

Từ Hoặc sắp v.v... trở xuống, là nói tương nhiếp.

Năm duy trở xuống, lấy năm giáo làm năng nhiếp, luận này làm sở nhiếp.

Ba nhiếp sau này, là Chung, Đốn, Viên. Nghĩa là trong luận này nói Như Lai tàng duyên khởi là Chung giáo, nói môn chân như là Đốn giáo. Lại, môn Chân như là Lý pháp giới, môn sinh diệt là Sự pháp giới, Hai môn chẳng phải hai là Lý sự vô ngại pháp giới, Nhất tâm là Nhất chân pháp giới, đây tức là Viên giáo. Ba giáo sau nhiếp được luận này, nhưng cũng chỉ thuộc về một Đốn giáo. Nếu dùng lý để suy nghĩa hẹp của Đốn giáo, chỉ nói chân tánh làm sao nhiếp được? Nếu nói do có nghĩa chân như nên được nhiếp kia, thì luận này cũng có hai giáo trước, nghĩa luận này cũng nên thuộc về hai giáo trước.

Đây chỉ v.v... trở xuống, lấy luận này làm năng nhiếp, năm giáo làm sở nhiếp.

Nhiếp bốn giáo trước, luận này có đầy đủ bốn nghĩa trước.

Chẳng nhiếp Viên, do trong bốn pháp giới chỉ có ba thứ, mà không nói rõ Sự sự vô ngại. Vì tông Viên Giáo đối với nghĩa Sự sự vô ngại đã chẳng hoàn toàn, nên chẳng thuộc về kia. Nhưng lấy nghĩa suy thì hợp với nhiếp kia, bốn thứ văn nghĩa lý sâu kín gom lại chỉ là Nhất chân pháp giới. Nay nói về thể của nhất tâm, chính là Nhất chân pháp giới, là tông Viên giáo kia. Lại, kia nói Sự sự vô ngại là đều do chân như tùy duyên. Nếu biết chân như tùy duyên là lý do của Sự sự vô ngại kia, nên được xếp vào. Nếu hướng khoa trước về nghĩa này thì văn trước nêu nói là chánh, chỉ Chung giáo gồm ở Đốn giáo và Viên giáo.

